

Các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành hàng tiêu dùng tại Thành phố Hải Phòng

Bùi Thị Ngọc Anh¹

Ngày nhận bài: 07/11/2025 | Ngày gửi phản biện: 17/11/2025 | Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng tại Thành phố Hải Phòng. Bằng phương pháp phân tích thống kê mô tả mẫu, kiểm định Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá EFA, tương quan và hồi quy tuyến tính thông qua phần mềm SPSS26 với 218 mẫu khảo sát thu về từ các cấp quản lý tại các doanh nghiệp bán lẻ trong ngành tiêu dùng tại thành phố Hải Phòng. Kết quả cho thấy bốn yếu tố gồm: i) Quản lý nguồn hàng; ii) Khả năng giao hàng; iii) Quản lý tồn kho; iv) Mối quan hệ giữa nhà bán lẻ và khách hàng đều có ảnh hưởng tích cực đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng. Dựa trên kết quả phát hiện, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý góp phần nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp.

Từ khóa: Chuỗi cung ứng, doanh nghiệp bán lẻ, ngành tiêu dùng, Thành phố Hải Phòng.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, hoạt động của các doanh nghiệp bán lẻ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối sản xuất - phân phối - tiêu dùng. Đặc biệt, ngành hàng tiêu dùng nhanh (Fast Moving Consumer Goods - FMCG) với đặc trưng sản phẩm có vòng đời ngắn, nhu cầu biến động mạnh và cạnh tranh cao, đòi hỏi các doanh nghiệp phải xây dựng và vận hành chuỗi cung ứng linh hoạt, hiệu quả và thích ứng với thị trường. Theo Bộ Công Thương (2023), tốc độ tăng trưởng của thị trường bán lẻ Việt Nam đạt trên 10%/năm, trong đó khu vực Thành phố Hải Phòng nổi lên như một trung tâm kinh tế - logistics trọng điểm của vùng duyên hải Bắc Bộ, thu hút nhiều nhà bán lẻ lớn trong và ngoài nước như Aeon, VinMart, MM Mega Market hay WinCommerce. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng tại Hải Phòng vẫn còn nhiều hạn chế. Các khâu như dự báo nhu cầu, quản trị hàng tồn kho, vận chuyển, công nghệ thông tin hay mối quan hệ giữa nhà cung cấp và nhà bán lẻ chưa được tối ưu hóa. Nhiều doanh nghiệp còn phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài, thiếu hệ thống dữ liệu tích hợp, dẫn đến chi phí logistics cao, phản ứng chậm với biến động thị trường và khó duy trì lợi thế cạnh tranh. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và xu hướng tiêu dùng đa kênh (omnichannel) đang gia tăng, việc quản trị chuỗi cung ứng hiệu quả trở thành yếu tố sống còn. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở đề xuất các giải pháp cải thiện hoạt động phân phối, giảm chi phí và nâng cao khả năng phục vụ người tiêu dùng.

2. Cơ sở lý thuyết và đề xuất mô hình nghiên cứu

Chuỗi cung ứng được hiểu là hệ thống tích hợp gồm các tổ chức, con người, hoạt động, thông tin và nguồn lực có mối liên hệ chặt chẽ nhằm đảm bảo quá trình sản xuất - phân phối hàng hóa và dịch vụ từ nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào đến tay người tiêu dùng cuối cùng. Theo Ganesham, Ran và Harrison

¹ CN., Trường Đại học Thành Đông; Email: ngocanh@thanhdong.edu.vn

(1995), chuỗi cung ứng là một mạng lưới hoạt động có tính liên kết cao, bao gồm các giai đoạn cung ứng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Stock và Ellean (1998) cũng cho rằng chuỗi cung ứng thể hiện sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong các giai đoạn khác nhau của quá trình sản xuất – kinh doanh nhằm đưa sản phẩm ra thị trường một cách hiệu quả và đồng bộ. Theo quan điểm toàn diện hơn, Chopra và Meindl (2007) xem chuỗi cung ứng là một tập hợp các hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu khách hàng. Chuỗi này bao gồm các chủ thể như nhà cung cấp, nhà sản xuất, đơn vị vận chuyển, hệ thống kho bãi, nhà bán lẻ và khách hàng - mắt xích cuối cùng của toàn hệ thống. Ở cấp độ doanh nghiệp, chuỗi cung ứng không chỉ giới hạn trong việc vận chuyển hàng hóa mà còn bao hàm các chức năng chiến lược như phát triển sản phẩm, marketing, quản lý tài chính và dịch vụ hậu mãi, nhằm tối ưu hóa giá trị tổng thể.

Nghiên cứu của Beamon (1998) nhấn mạnh rằng, việc thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng cần dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp hệ thống nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa hiệu quả chi phí và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tương tự, Ramdas và Spekman (2000) cho rằng, các yếu tố như mức độ hợp tác, chia sẻ thông tin và sự tin cậy giữa các bên tham gia là nền tảng quyết định hiệu quả của chuỗi cung ứng. Trong khi đó, Jayaram và các cộng sự (2010) chỉ ra rằng, sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà cung cấp và khách hàng có tác động tích cực đến chất lượng sản phẩm và tính linh hoạt trong vận hành. Bên cạnh đó, Algren và Kotzab (2000) nhấn mạnh vai trò của việc đo lường hiệu suất chuỗi cung ứng trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thông qua các chỉ tiêu như tốc độ giao hàng, độ chính xác đơn hàng và mức độ hài lòng của khách hàng. Đặc biệt, Adusei và Awunyo-Vitor (2014) chỉ ra rằng, sự thiếu hụt nguồn hàng (stock-out) trong các cửa hàng bán lẻ phần lớn bắt nguồn từ việc dự báo sai nhu cầu và quản lý tồn kho kém hiệu quả - điều này phản ánh tầm quan trọng của quản lý nguồn hàng và kiểm soát tồn kho trong việc duy trì tính liên tục của chuỗi cung ứng. Như vậy, chuỗi cung ứng là một hệ thống vận hành đa chiều, nơi dòng vật chất, dòng thông tin và dòng tài chính được luân chuyển nhịp nhàng giữa các mắt xích nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Mục tiêu cốt lõi của chuỗi cung ứng hiện đại không chỉ là tối ưu hóa chi phí mà còn là tối đa hóa giá trị mang lại cho khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững cho doanh nghiệp.

Bảng 1: Tổng quan một số tài liệu có liên quan đến chuỗi cung ứng

Các yếu tố ảnh hưởng	Lĩnh vực	Nguồn
Chất lượng nguồn nhân lực; Quản lý nguồn hàng; Quản lý tồn kho; Hệ thống thông tin và các ứng dụng công nghệ; Hệ thống logistics	Siêu thị bán lẻ tại thành phố Kumasi	Charles Adusei và Dadson Awunyo-Vitor (2014)
Sự phối hợp giữa nhà bán lẻ với nhà cung cấp; Sự phối hợp giữa nhà bán lẻ với khách hàng;	Siêu thị bán lẻ tại Trung Quốc	Jayanth Jayaram và các cộng sự (2010)
Lập kế hoạch và quản lý tồn kho; Hệ thống phân phối và hoạt động logistics; Sự liên kết thông tin giữa các thành phần tham gia chuỗi cung ứng; Quy trình đặt và điều chỉnh số lượng đơn hàng	Doanh nghiệp bán lẻ nói chung	Benita M. Beamon (1998)
Quản lý nguồn hàng; Dự báo nhu cầu; Quản lý kho và hoạt động logistics; Mối quan hệ giữa nhà bán lẻ và khách hàng	Doanh nghiệp bán lẻ tại Đan Mạch	Casper Algren và Herbert Kotzab (2000)
Hàng tồn kho; Thời gian; Khả năng thực hiện đơn hàng; Chất lượng và sự hài lòng khách hàng	Doanh nghiệp bán lẻ nói chung	Kamalini Ramdas và Robert E. Spekman (2000)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Dựa trên cơ sở lý thuyết và tổng quan một số nghiên cứu liên quan, tác giả lựa chọn và đề xuất mô hình nghiên cứu với các giả thuyết nghiên cứu như sau:

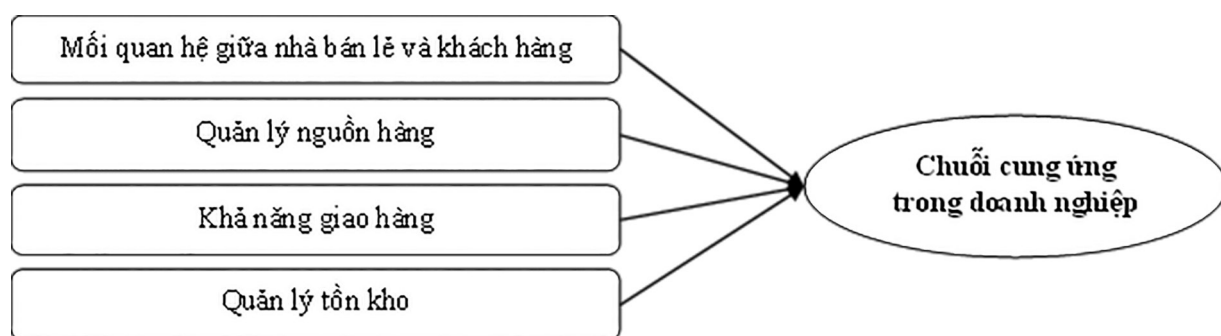
H1: Mối quan hệ giữa nhà bán lẻ và khách hàng có ảnh hưởng thuận chiều đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng

H2: Quản lý nguồn hàng có ảnh hưởng thuận chiều đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng

H3: Khả năng giao hàng có ảnh hưởng thuận chiều đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng

H4: Quản lý tồn kho có ảnh hưởng thuận chiều đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của tác giả.

Phương trình của mô hình nghiên cứu được xác định như sau:

$$CU = \beta_0 + \beta_1 * QH + \beta_2 * QL + \beta_3 * GH + \beta_4 * TK + \varepsilon$$

Trong đó:

CU (biến phụ thuộc): Chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ ngành tiêu dùng

Các biến độc lập bao gồm (Xi): Mối quan hệ giữa nhà bán lẻ và khách hàng (QH); Quản lý nguồn hàng (QL); Khả năng giao hàng (GH); Quản lý tồn kho (TK).

β_k : Hệ số hồi quy ($k = 0, 1, 2, 3, 4$); ε : Sai số ngẫu nhiên

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kế thừa chọn lọc thang đo từ một số tài liệu có liên quan đến chuỗi cung ứng trong phần tổng quan và được điều chỉnh bởi quá trình thảo luận nhóm, phỏng vấn một số chuyên gia trong lĩnh vực logistics, chủ doanh nghiệp bán lẻ trong ngành tiêu dùng để xây dựng thang đo chính thức. Cỡ mẫu được xác định dựa theo tỷ lệ tốt nhất khi phân tích nhân tố khám phá EFA (Hair và cộng sự, 2010). Tổng số phiếu phát ra là 230 phiếu bằng phương pháp phi xác suất thuận tiện với các đối tượng là quản lý tại các doanh nghiệp bán lẻ trong ngành tiêu dùng tại Thành phố Hải Phòng trong khoảng thời gian từ tháng 02 - 5/2025. Thang đo chính thức đo lường bằng thang Likert 5 mức độ (1 - Rất không đồng ý đến 5 - Rất đồng ý). Kết thúc quá trình khảo sát thu về 218 phiếu hợp lệ đưa vào phân tích trên phần mềm SPSS 26 tại mức ý nghĩa thống kê 5%.

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 2: Kết quả phân tích hệ số tin cậy và nhân tố khám phá thang đo

Các yếu tố	Số lượng biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số tải nhân tố
QH	5	0,828	0,417- 0,534	0,753- 0,796
QL	4	0,813	0,429- 0,561	0,764- 0,801
GH	5	0,830	0,461- 0,588	0,742- 0,785
TK	5	0,802	0,408- 0,573	0,771- 0,824
Hệ số KMO = 0,751				
Kiểm định Bartlett's			Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	5372,407
			df	286
			Sig.	0,000
Tổng phương sai trích				71,728%
CU	3	0,826	0,563- 0,526	0,784- 0,819
Hệ số KMO = 0,782				
Kiểm định Bartlett's			Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	263,185
			df	3
			Sig.	0,000
Tổng phương sai trích				73,512%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả.

Kết quả cho thấy thang đo đạt giá trị hội tụ và giá trị phân biệt khi hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,5, hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,4 của các yếu tố độc lập và yếu tố phụ thuộc. Khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá đối với yếu tố độc lập, hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5 cho thấy thang đo có các biến quan sát tốt, không biến quan sát nào bị loại. Hệ số KMO lớn hơn 0,5; hệ số Sig. của kiểm định Bartlett's đạt 0,000 và hệ số Eigenvalue lớn hơn 1 có bốn nhóm nhân tố được trích với tổng phương sai trích đạt 71,728% đảm bảo yêu cầu khi phân tích nhân tố khám phá EFA (Hair và cộng sự, 2010). Đối với yếu tố phụ thuộc, kết quả phân tích đều thỏa mãn các điều kiện đưa ra theo Hair và cộng sự (2010). Do đó, toàn bộ thang đo phù hợp để đưa vào thực hiện các phân tích tiếp theo.

Bảng 3: Kết quả phân tích tương quan Pearson

	CU	QH	QL	GH	TK
CU	1				
QH	0,653**	1			
QL	0,721**	0,253**	1		
GH	0,708**	0,189**	0,277**	1	
TK	0,659**	0,216**	0,182**	0,234**	1

*, **. Tương ứng với $p < 0,05$ và $p < 0,01$

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả.

Phân tích tương quan Pearson cho thấy các yếu tố độc lập có tương quan chặt chẽ với yếu tố phụ thuộc (hệ số $> 0,4$; Sig. $< 0,05$), trong khi tương quan giữa các yếu tố độc lập yếu, loại trừ khả năng đa cộng tuyến và đủ điều kiện thực hiện hồi quy.

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá		t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến
		Beta	Độ lệch chuẩn	Beta chuẩn hoá			Dung sai điều chỉnh	VIF
1	Hằng số	1,834	0,032		4,223	0,013		
	QH	0,211	0,011	0,236	5,134	0,005	0,683	1,783
	QL	0,318	0,046	0,339	4,945	0,000	0,501	1,599
	GH	0,285	0,027	0,302	5,742	0,001	0,572	1,627
	TK	0,241	0,019	0,273	5,113	0,002	0,625	1,534

Giá trị F = 119,634; Sig. = 0,000
R² = 0,744; R² hiệu chỉnh = 0,726; Durbin-Watson = 1,894
a. Biến phụ thuộc: CU

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả.

Kết quả cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh lớn hơn 0,7 đã cho thấy mức độ phù hợp của mô hình là tương đối tốt và các yếu tố độc lập giải thích được 72,6% sự biến thiên của yếu tố phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu, còn lại 27,4% là do các yếu tố khác ngoài mô hình hoặc sai số trong quá trình phân tích. Các hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định t đều đạt 0,000 đã cho thấy mô hình hồi quy là phù hợp và các yếu tố độc lập ảnh hưởng lên yếu tố phụ thuộc đều có ý nghĩa thống kê. Hệ số Durbin-Watson bằng 1,894 không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất và hệ số VIF lớn hơn 1 và nhỏ hơn 2 đã chắc

chẩn thang đo các yếu tố không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Tóm lại, các giả thuyết H1, H2, H3, H4 đề xuất đều được chấp nhận và phương trình hồi quy được viết lại như sau:

$$CU = 0,339*QL + 0,302*GH + 0,273*TK + 0,236*QH + \varepsilon$$

Qua phương trình, các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp bán lẻ tại Thành phố Hải Phòng gồm: i) Quản lý nguồn hàng; ii) Khả năng giao hàng; iii) Quản lý tồn kho; iv) Mối quan hệ giữa nhà bán lẻ và khách hàng.

5. Hàm ý quản trị

Để hoàn thiện chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp bán lẻ tại Thành phố Hải Phòng cần hướng tới mô hình quản trị tích hợp - nơi dữ liệu, công nghệ, quan hệ đối tác và trải nghiệm khách hàng được kết nối đồng bộ. Doanh nghiệp bán lẻ cần xây dựng chiến lược lựa chọn và đánh giá nhà cung cấp dựa trên các tiêu chí rõ ràng như chất lượng, độ tin cậy, khả năng giao đúng hạn và mức độ linh hoạt trong cung ứng. Bên cạnh đó, nên ứng dụng các công cụ công nghệ như hệ thống ERP hoặc phần mềm SCM để theo dõi tình trạng nguồn hàng theo thời gian thực, giúp dự báo nhu cầu và tối ưu hóa kế hoạch đặt hàng. Việc phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài với nhà cung ứng chiến lược sẽ giúp đảm bảo sự ổn định và giảm rủi ro trong chuỗi cung ứng. Chú trọng đầu tư vào hệ thống logistics hiện đại, tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển, kết hợp đa dạng phương thức giao hàng để giảm thời gian và chi phí. Ngoài ra, việc hợp tác với các đối tác logistics chuyên nghiệp hoặc phát triển trung tâm phân phối tại khu vực trọng điểm như Hải Phòng sẽ giúp cải thiện tốc độ giao hàng và tăng tính linh hoạt cho chuỗi cung ứng.

Doanh nghiệp nên áp dụng các mô hình quản lý tồn kho tiên tiến như JIT (Just in Time) hoặc VMI (Vendor Managed Inventory), kết hợp với dữ liệu phân tích nhu cầu tiêu dùng để xác định mức tồn kho tối ưu. Hệ thống mã vạch, RFID hoặc công nghệ IoT cũng nên được triển khai để kiểm soát hàng hóa theo thời gian thực, hạn chế thất thoát và đảm bảo tính sẵn sàng của sản phẩm. Thường xuyên quan tâm nâng cao trải nghiệm mua sắm, xây dựng chương trình khách hàng thân thiết, đồng thời khai thác dữ liệu tiêu dùng để cá nhân hóa dịch vụ. Việc thiết lập kênh thông tin hai chiều giữa doanh nghiệp và khách hàng sẽ giúp doanh nghiệp dự báo nhu cầu chính xác hơn, giảm hàng tồn kho và nâng cao khả năng phản ứng với biến động thị trường.

Tài liệu tham khảo

1. Adusei, C., & Awunyo-Vitor, D. (2014). *Determinants of stock-out in retail shops in Ghana: Evidence from Kumasi Metropolis*. *Modern Economy*, 36, 1240–1252.
2. Algren, C., & Kotzab, H. (2000). *State of the art of supply chain performance measurement in Danish industrial companies*. *Copenhagen Business*, 32, 26–38.
3. Beamon, B. M. (1998). *Supply chain design and analysis: Models and methods*. *Washington Industrial Engineering*, 54, 126–140.
4. Jayaram, J., Vickery, S. K., & Droge, C. (2010). *Impacts of coordination with supplier and customer on quality and flexibility performance*. *University of Texas at San Antonio*, 76, 402–500.
5. Ramdas, K., & Spekman, R. E. (2000). *Factors that affect the supply chain*. *Journal of Interactive Marketing*, 15, 31–35.